



Kết nối - Phát triển

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 – 6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	7 – 56
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>7 – 10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2020</i>	<i>12 – 13</i>
<i>Bàn thuyết minh báo cáo tài chính năm 2020</i>	<i>14 – 56</i>

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat (tên tiếng Anh: DUA FAT GROUP JOINT STOCK COMPANY - Tên viết tắt: DUA FAT GROUP., JSC) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104008162 được cấp lần đầu ngày 29/06/2009 bởi Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp 11 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi về việc thay đổi vốn, cơ cấu vốn điều lệ của công đồng sáng lập, bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi tên Công ty. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 số 0104008162 được phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 13 tháng 05 năm 2020.

TRỤ SỞ HOẠT ĐỘNG:

Địa chỉ : Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại : 04356427 41
E-mail : company@duafat.com.vn
Mã số thuế : 0 1 0 4 0 0 8 1 6 2

CÔNG TY CON

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty TNHH Vĩnh Hóa	Tầng 6 tòa nhà Việt Á, số 9 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 56).

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định ngoài sự kiện nêu trên không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Duy Hưng	Chủ tịch
Ông Trần Văn Phương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Minh Đức	Trưởng ban
Ông Trần Trung Hải	Thành viên
Bà Ngô Thị Dung	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đàm Văn Lý	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quốc Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Võ Thị Diệu Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Văn Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Miễn nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2020

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính ;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

CAM KẾT KHÁC

Ban Lãnh đạo cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Thay mặt Ban lãnh đạo

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Duy Hưng

03
ÔN
NH
Ề M
N T
Đ,

Số : 1301.02.01/2020/BCTC-NVT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP **Về Báo cáo tài chính năm 2020**

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2021 từ trang 07 đến trang 56, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ Sở Chính:

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt có dạng ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán An Việt đã phát hành lại báo cáo tài chính năm 2019 số 70/2020/KT-AVHN-TC ngày 15/10/2020 thay thế cho báo cáo tài chính năm 2019 số 53/2020/KT-AVHN-TC ngày 09/04/2020 theo đề nghị tại công văn số 3009/CV-DF ngày 30/09/2020 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat do có thông tin bổ sung về việc bên bán hàng chưa thể cung cấp đủ hồ sơ theo như cam kết để đảm bảo tính hợp pháp của lô hàng đã giao cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat và đã được ghi nhận vào chỉ tiêu hàng tồn kho trên báo cáo tài chính phát hành ngày 09/04/2020. Đồng thời rà soát điều chỉnh lại một số chỉ tiêu trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2019.

Công ty thực hiện phân loại lại một số chỉ tiêu số liệu so sánh trên báo cáo tài chính năm 2020 (Xem thuyết minh số VIII.5)

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNKT số: 1690-2018-124-1

Phạm Văn Tuấn

GCNĐKHNKT số: 4497-2018-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.181.221.741.301	927.974.457.877
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	26.140.338.908	18.139.198.058
1. Tiền	111		26.140.338.908	18.139.198.058
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		773.320.970.423	560.850.600.399
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	691.335.678.306	402.552.256.363
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	69.918.060.413	114.201.439.439
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	12.067.231.704	44.096.904.597
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		365.025.774.008	340.051.269.304
1. Hàng tồn kho	141	V.6	365.025.774.008	340.051.269.304
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.734.657.962	8.933.390.116
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	703.747.069	786.407.411
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16.030.910.893	8.146.982.705
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		669.158.722.546	602.628.736.184
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18.540.522.000	11.820.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	18.540.522.000	11.820.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		497.583.560.262	560.186.860.214
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	377.567.775.068	505.698.890.549
<i>Nguyên giá</i>	222		563.371.827.089	677.036.517.765
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(185.804.052.021)	(171.337.627.216)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	111.632.183.466	50.118.181.808
<i>Nguyên giá</i>	225		128.120.903.872	58.406.660.606
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(16.488.720.406)	(8.287.878.798)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	8.383.601.728	4.369.787.857
<i>Nguyên giá</i>	228		11.299.505.004	6.299.505.004
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.915.903.276)	(1.929.717.147)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.240.738.182	4.509.972.758
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	1.240.738.182	4.509.972.758
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		29.700.000.000	5.720.609.987
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	29.700.000.000	5.720.609.987
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		122.093.902.102	20.391.293.225
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	122.093.902.102	20.391.293.225
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.850.380.463.847	1.530.603.194.061

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.379.711.098.840	1.083.166.440.249
I. Nợ ngắn hạn	310		1.105.804.708.761	714.269.385.037
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	394.424.062.555	310.152.300.202
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	49.390.957.979	31.998.024.700
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	14.534.601.448	8.818.572.674
4. Phải trả người lao động	314		-	548.812.123
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	31.505.564.451	1.869.878.393
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	615.949.522.328	360.881.796.945
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		273.906.390.079	368.897.055.212
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b	105.332.765.929	160.491.657.150
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	410.000.000	410.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	168.163.624.150	207.995.398.062
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kè 10, Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		470.669.365.007	447.436.753.812
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	470.669.365.007	447.436.753.812
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		400.000.000.000	400.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		400.000.000.000	400.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		70.669.365.007	47.436.753.812
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		47.436.753.812	27.243.119.439
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		23.232.611.195	20.193.634.373
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.850.380.463.847	1.530.603.194.061

Người lập biểu

Nguyễn Trọng Tài

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thủy

Lập ngày 30 tháng 03 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lê Duy Hưng



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	887.155.065.942	851.820.947.285
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		887.155.065.942	851.820.947.285
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	785.523.537.217	762.636.783.803
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		101.631.528.725	89.184.163.482
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.776.087.294	1.036.550.773
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	60.546.566.012	60.432.717.676
Trong đó: chi phí lãi vay	23		60.234.851.595	60.016.013.665
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	18.973.630.864	24.181.226.327
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.887.419.143	5.606.770.252
11. Thu nhập khác	31	VI.6	4.382.874.179	21.264.586.275
12. Chi phí khác	32	VI.7	229.529.328	1.629.313.561
13. Lợi nhuận khác	40		4.153.344.851	19.635.272.714
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.040.763.994	25.242.042.966
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	5.808.152.799	5.048.408.593
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>23.232.611.195</u>	<u>20.193.634.373</u>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Trọng Tài

Nguyễn Thị Thủy

Lê Duy Hưng



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		29.040.763.994	25.242.042.966
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		48.499.170.654	56.669.063.321
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		29.734.964	(1.012.054.701)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.102.575.385)	(10.466.004.317)
- Chi phí lãi vay	06		60.234.851.595	60.016.013.665
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		134.701.945.822	130.449.060.934
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(183.139.980.347)	17.160.183.205
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(24.974.504.704)	(16.942.244.818)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		61.835.784.669	(156.529.879.400)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(101.619.948.535)	73.685.001.763
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(60.234.851.595)	(60.016.013.665)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(57.414.368)	(999.393.997)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(34.441.659)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(173.488.969.058)	(13.227.727.637)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(80.826.426.593)	(242.091.259.180)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		110.229.544.978	156.122.711.635
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(20.814.390.013)	(6.570.609.987)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		11.200.000.000	300.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.617.981.009	10.266.048
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		21.406.709.381	(92.228.891.484)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-		200.000.000.000	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33		635.257.668.158		726.196.591.283	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(460.849.205.960)		(790.321.039.803)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(14.325.061.671)		(15.493.590.910)	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-		-	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>160.083.400.527</i>		<i>120.381.960.570</i>	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		8.001.140.850		14.925.341.449	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	18.139.198.058		3.213.856.609	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-		-	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	26.140.338.908		18.139.198.058	

Người lập biểu

Nguyễn Trọng Tài

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thủy

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Duy Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kè 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh:** Phá dỡ các kết cấu công trình và cấu kiện xây dựng
- Ngành nghề kinh doanh:**
 - San lấp mặt bằng; Xử lý nền móng công trình; Phá dỡ các kết cấu công trình và cấu kiện xây dựng;
 - Mua bán, sửa chữa, cho thuê máy và thiết bị; Xây dựng, giao thông, khai khoáng, công nghiệp, nông nghiệp./.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
- Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính kế toán công ty có 106 nhân viên đang làm việc.
- Cấu trúc doanh nghiệp:**
Các Công ty con:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ theo Giấy CNDKKD	Tỷ lệ sở hữu trước thoái vốn
Công ty TNHH Vĩnh Hóa (**)	Tầng 6 tòa nhà Việt Á, số 9 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	99%	99%	
Công ty Cổ phần Kinh doanh máy công nghệ Xây dựng (*)	Số 15, liên kè 10, Khu đô thị Xa la, P. Phúc La, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	0%	0%	90%
Công ty Cổ phần Nền móng Hiếu Nguyên (*)	Số 30, liên kè 10, Khu đô thị Xa la, P. Phúc La, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam	Chuẩn bị mặt bằng	0%	0%	60%
Công ty Cổ phần Thiết kế Đua Fat (*)	Số 13, liên kè 10, Khu đô thị Xa la, P. Phúc La, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật	0%	0%	90%
Công ty Cổ phần Quản lý Dự án Đua Fat (*)	101-NC5, Ngõ 86 Phố Nhân Hòa, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật	0%	0%	70%

(*) Trong năm 2020, công ty đã thực hiện thoái toàn bộ vốn tại các công ty con này.

(**) Công ty TNHH Vĩnh Hóa hiện chưa đi vào hoạt động, đang trong quá trình đầu tư xây dựng nhà máy gạch tuynel

- Tuyên bố về khả năng so sánh trên Báo cáo tài chính:** Số liệu Báo cáo tài chính năm 2020 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu Báo cáo tài chính năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 cụ thể như sau:

Các khoản tiền gửi ngân hàng, ký quỹ ký cược, phải thu là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam là 23.010 VND/USD.

Các khoản nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam là 23.190 VND/USD.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công, chi phí khấu hao tài sản dùng cho hoạt động sản xuất và các chi phí sản xuất chung liên quan đến hoạt động sản xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi

10
C
RÁCH
KI
NH
V

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	03-20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08
Tài sản cố định khác	02-05

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

Nhận chuyển nhượng hợp pháp: quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

03
ÔN
NHIE
EM
VT
ĐA

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá theo số thực tế có thể thu hồi.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán phải đánh giá lại tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ:

- Tỷ giá áp dụng đối với các khoản tiền gửi bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam nơi doanh nghiệp mở tài khoản tiền gửi;
- Tỷ giá áp dụng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn).

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng như các quy định của pháp luật.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Y
T
H
Á
N
/VIỆT
P.K

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phân ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phân ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phân ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

b) Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kè 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chỉ trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

c) Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Báo cáo theo bộ phận được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.039.611.638	161.432.136
Tiền gửi ngân hàng	25.100.727.270	17.977.765.922
Cộng	<u>26.140.338.908</u>	<u>18.139.198.058</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Đầu tư vào công ty con	29.700.000.000	-	29.700.000.000	5.720.609.987	-	5.720.609.987
Công ty TNHH Vĩnh hóa (*)	29.700.000.000	-	29.700.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh máy công nghệ Xây dựng (**)	-	-	-	4.410.589.987	-	4.410.589.987
Công ty Cổ phần Nền móng Hiếu Nguyên (**)	-	-	-	600.000.000	-	600.000.000
Công ty Cổ phần Thiết kế Đua Fat (**)	-	-	-	10.020.000	-	10.020.000
Công ty Cổ phần Quản lý Dự án Đua Fat (**)	-	-	-	700.000.000	-	700.000.000
Cộng	<u>29.700.000.000</u>	<u>-</u>	<u>29.700.000.000</u>	<u>5.720.609.987</u>	<u>-</u>	<u>5.720.609.987</u>

(*) Công ty đã mua phần vốn góp của các cá nhân tại Công ty TNHH Vĩnh Hóa theo các hợp đồng chuyển nhượng sau:

+ Hợp đồng chuyển nhượng số 01/2019/HĐCNV ngày 26/06/2019 Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat đã mua lại phần vốn góp 12.000.000.000 VND của Ông Phan Ngọc Anh Cường tại Công ty TNHH Vĩnh Hóa.

+ Hợp đồng chuyển nhượng số 04/2019/HĐCNV ngày 26/06/2019 Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat đã mua lại phần vốn góp 12.000.000.000 VND của Bà Đinh Thùy Linh tại Công ty TNHH Vĩnh Hóa.

+ Hợp đồng chuyển nhượng số 03/2019/HĐCNV ngày 26/06/2019 Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat đã mua lại phần vốn góp 2.700.000.000 VND của Ông Lại Hoài Quang tại Công ty TNHH Vĩnh Hóa.

+ Hợp đồng chuyển nhượng số 02/2019/HĐCNV ngày 26/06/2019 Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat đã mua lại phần vốn góp 3.000.000.000 VND của Bà Hà Thị Thu Hương tại Công ty TNHH Vĩnh Hóa.

Tỷ lệ vốn góp của công ty tại Công ty TNHH Vĩnh hóa là 99%. Hiện công ty con đang trong giai đoạn đầu tư dự án nhà máy gạch Tuynel và chưa đi vào hoạt động.

(**) Công ty đã thực hiện thoái toàn bộ vốn tại các công ty con này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	129.603.070.025	143.778.708.229
Công ty Cổ phần Thương mại, Dịch vụ, Du lịch	64.030.121.947	-
Công ty Cổ phần TCT Mbland	63.602.412.000	-
Công ty TNHH MTV Lê Đông	44.936.171.988	-
Công ty Cổ phần Thương Mại và Dịch Vụ Xuân Thủy	43.832.026.782	19.491.844.700
Công ty Cổ phần IGG Hạ Long	42.686.273.283	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng COUNTRY	40.715.036.678	-
Các khách hàng khác	261.930.565.603	239.281.703.434
Cộng	<u>691.335.678.306</u>	<u>402.552.256.363</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV XD nền móng Hồ Gia	9.015.320.000	225.000.000
Công ty Cổ phần Xây Dựng Hitechcons Việt Nam	6.292.641.807	-
Công ty SX và TM Thuận Phát (TNHH)	5.979.664.450	-
Công ty TNHH nền móng và XD Tân Thịnh Phát	5.341.445.943	4.792.335.176
Công ty TNHH MTV xây dựng nền móng Như Long	5.023.754.747	2.882.846.195
Công ty TNHH MTV Lê Đông	1.290.511.384	85.928.380.848
Các nhà cung cấp khác	36.974.722.082	20.372.877.220
Cộng	<u>69.918.060.413</u>	<u>114.201.439.439</u>

5. Phải thu khác**a) Phải thu khác ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	19.000.000	-
Ông Đàm Văn Lý - Tạm ứng	-	-	19.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	12.067.231.704	-	44.077.904.597	-
Ký cược, ký quỹ	1.020.104.817	-	17.559.564.006	-
Tạm ứng	3.588.805.364	-	21.873.867.066	-
Thuế GTGT Thuê tài chính	5.945.561.086	-	3.749.378.775	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.512.760.437	-	895.094.750	-
Cộng	<u>12.067.231.704</u>	-	<u>44.096.904.597</u>	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**b) Phải thu khác dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	18.540.522.000	-	11.820.000.000	-
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ (1)</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Sơ Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình Công ty CTTC TNHH MTV NH TMCP Ngoại thương VN</i>	<i>4.036.522.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Công ty CTTC MTV TNHH NH TMCP Công thương VN</i>	<i>3.194.000.000</i>	<i>-</i>	<i>720.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Công ty CTTC MTV TNHH NH TMCP Công thương VN</i>	<i>1.310.000.000</i>	<i>-</i>	<i>1.100.000.000</i>	<i>-</i>
Cộng	18.540.522.000	-	11.820.000.000	-

(1) Là trái phiếu do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam phát hành, mã trái phiếu AGRIBANK192601, mã trái chủ 150600109, số lượng là 10.000 trái phiếu với giá trị 10.000.000.000 VND. Khoản trái phiếu này đang được cầm cố theo phụ lục hợp đồng tín dụng số 0122019/DUAFAT-TH của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	22.236.379.068	-	21.243.506.612	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	89.534.697.671	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	335.718.750.569	-	214.804.797.549	-
Hàng hóa	7.070.644.371	-	14.468.267.472	-
Cộng	365.025.774.008	-	340.051.269.304	-

7. Chi phí trả trước**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	531.731.179	762.885.911
Công cụ, dụng cụ	88.960.890	23.521.500
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	83.055.000	-
Cộng	703.747.069	786.407.411

b) Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	122.093.902.102	20.288.377.225
Chi phí sửa chữa	-	102.916.000
Cộng	122.093.902.102	20.391.293.225

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUÀ FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kè 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm	32.755.907.444	614.231.240.353	15.678.682.274	1.791.733.999	12.578.953.695	677.036.517.765
Mua trong năm	-	15.928.625.846	2.200.000.000	-	-	18.128.625.846
Đầu tư XDCB hoàn thành	10.822.952.511	-	-	-	-	10.822.952.511
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	7.280.727.273	-	-	-	7.280.727.273
Thanh lý, nhượng bán	-	(149.343.560.146)	-	-	(553.436.160)	(149.896.996.306)
Phân loại lại	-	(1.250.454.549)	-	(130.454.546)	1.380.909.095	-
Số cuối năm	43.578.859.955	486.846.578.777	17.878.682.274	1.661.279.453	13.406.426.630	563.371.827.089

Trong đó:

Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng

593.819.546

202.395.454

7.195.676.293

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	1.446.038.691	152.125.411.112	6.471.469.386	593.238.501	10.701.469.526	171.337.627.216
Khấu hao trong năm	1.310.236.296	33.909.389.306	2.814.468.600	350.693.496	927.355.219	39.312.142.917
Thanh lý, nhượng bán	-	(24.550.497.256)	-	-	(295.220.856)	(24.845.718.112)
Phân loại lại	5	(1.124.630.996)	(10)	(124.575.758)	1.249.206.759	-
Số cuối năm	2.756.274.992	160.359.672.166	9.285.937.976	819.356.239	12.582.810.648	185.804.052.021

Giá trị còn lại

Số đầu năm	31.309.868.753	462.105.829.241	9.207.212.888	1.198.495.498	1.877.484.169	505.698.890.549
Số cuối năm	40.822.584.963	326.486.906.611	8.592.744.298	841.923.214	823.615.982	377.567.775.068

Một số tài sản cố nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 529.714.738.825 VND và 414.240.449.395 VND đang được thế chấp tại các ngân hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định thuê tài chính**

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá		
Số đầu năm	58.406.060.606	58.406.060.606
Thuê tài chính trong năm	76.987.570.539	76.987.570.539
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(7.272.727.273)	(7.272.727.273)
Số cuối năm	<u>128.120.903.872</u>	<u>128.120.903.872</u>
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	8.287.878.798	8.287.878.798
Khấu hao trong năm	8.200.841.608	8.200.841.608
Số cuối năm	<u>16.488.720.406</u>	<u>16.488.720.406</u>
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	50.118.181.808	50.118.181.808
Số cuối năm	<u>111.632.183.466</u>	<u>111.632.183.466</u>

10. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.915.946.645	3.383.558.359	6.299.505.004
Tăng do mua sắm	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Số cuối năm	<u>2.915.946.645</u>	<u>8.383.558.359</u>	<u>11.299.505.004</u>
<i>Trong đó</i>			
Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	1.929.717.147	1.929.717.147
Khấu hao trong năm	-	986.186.129	986.186.129
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>2.915.903.276</u>	<u>2.915.903.276</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.915.946.645	1.453.841.212	4.369.787.857
Số cuối năm	<u>2.915.946.645</u>	<u>5.467.655.083</u>	<u>8.383.601.728</u>

Tài sản là Quyền sử dụng đất có nguyên giá là 2.915.946.645 VND đang được thế chấp tại ngân hàng.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	4.509.972.758	7.553.717.935	(10.822.952.511)	1.240.738.182
Cài tạo công trình văn phòng	3.269.234.576	7.553.717.935	(10.822.952.511)	-
Sàn đạo	1.240.738.182	-	-	1.240.738.182
Cộng	<u>4.509.972.758</u>	<u>7.553.717.935</u>	<u>(10.822.952.511)</u>	<u>1.240.738.182</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Phải trả người bán****a) Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Đầu tư XD và QL DA Việt Nam	34.766.220.435	36.955.024.343
Công ty TNHH MTV XD nền móng Hồ Gia	28.883.229.025	7.308.650.689
Công ty CP Thương mại, Dịch vụ, Du lịch	26.452.393.050	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng nền móng Trung Anh	19.383.604.369	1.821.365.799
Công ty TNHH TM và XD Thu Ngân	14.567.611.362	12.504.723.522
Các nhà cung cấp khác	270.371.004.314	251.562.535.849
Cộng	<u>394.424.062.555</u>	<u>310.152.300.202</u>

b) Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bauer technologies far east pte ltd	-	43.477.148.376
Công ty SANWOAT	103.295.676.445	114.977.419.290
Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân Đội	2.037.089.484	2.037.089.484
Cộng	<u>105.332.765.929</u>	<u>160.491.657.150</u>

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng SCG	17.279.343.091	-
Công ty TNHH Công nghiệp Long Sơn	13.038.011.800	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng HOLDINGS	5.422.143.082	-
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Trung Chính	4.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Sinh Thái Đại Dương	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Quản lý dự án Việt Nam	2.500.000.000	2.500.000.000
Các khách hàng khác	4.151.460.006	29.498.024.700
Cộng	<u>49.390.957.979</u>	<u>31.998.024.700</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế xuất, nhập khẩu	-	408.700.165	(408.700.165)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.730.413.677	5.808.152.799	(57.414.368)	14.481.152.108
Thuế thu nhập cá nhân	88.158.997	46.115.601	(80.825.258)	53.449.340
Cộng	<u>8.818.572.674</u>	<u>6.262.968.565</u>	<u>(546.939.791)</u>	<u>14.534.601.448</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 20%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác, Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả khác**a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>16.900.000.000</i>	<i>-</i>
Bà Nguyễn Thu Hiền	6.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	10.900.000.000	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>14.605.564.451</i>	<i>1.869.878.393</i>
Kinh phí công đoàn	82.533.589	362.797.889
Bảo hiểm xã hội	5.376.000	-
Bà Đinh Thùy Linh - Phải trả về mua cổ phần	3.000.000.000	-
Ông Phan Ngọc Anh Cương - Phải trả về mua cổ phần	8.665.000.000	-
Ông Lại Hoài Quang - Phải trả về mua cổ phần	2.150.000.000	-
Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân Đội	482.331.112	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	220.323.750	1.507.080.504
Cộng	<u>31.505.564.451</u>	<u>1.869.878.393</u>

b) Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Vay và nợ thuê tài chính****a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	537.192.495.458	537.192.495.458	275.225.103.186	275.225.103.186
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Tây Hồ (1)</i>	225.940.933.880	225.940.933.880	90.440.460.671	90.440.460.671
<i>Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội (2)</i>	196.441.796.078	196.441.796.078	44.945.210.229	44.945.210.229
<i>Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Thăng Long (3)</i>	81.055.918.101	81.055.918.101	101.714.151.044	101.714.151.044
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long (4)</i>	14.425.664.292	14.425.664.292	-	-
<i>Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Sơn Tây (5)</i>	19.328.183.107	19.328.183.107	15.006.031.900	15.006.031.900
<i>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng</i>	-	-	23.119.249.342	23.119.249.342
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b)	59.843.486.862	59.843.486.862	76.922.693.759	76.922.693.759
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Tây Hồ</i>	1.138.953.380	1.138.953.380	2.035.582.200	2.035.582.200
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng</i>	-	-	4.600.000.000	4.600.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội</i>	43.440.081.680	43.440.081.680	55.432.213.035	55.432.213.035
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thăng Long</i>	319.500.000	319.500.000	319.500.000	319.500.000
<i>Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Láng Hạ</i>	3.965.499.996	3.965.499.996	3.423.000.000	3.423.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh tây Hà Nội</i>	10.979.451.806	10.979.451.806	11.112.398.524	11.112.398.524
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b)	18.913.540.008	18.913.540.008	8.734.000.000	8.734.000.000
<i>Công ty CTTC TNHH MTV Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam</i>	10.043.500.008	10.043.500.008	1.500.000.000	1.500.000.000
<i>Công ty CTTC TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	8.870.040.000	8.870.040.000	7.234.000.000	7.234.000.000
Cộng	615.949.522.328	615.949.522.328	360.881.796.945	360.881.796.945

(1) Là các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Tây Hồ

Theo các hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng tín dụng 1506-LAV-202000308 ngày 17/4/2020

- Hạn mức cấp tín dụng: 115.000.000.000 VNĐ

- Thời hạn: Theo từng Giấy nhận nợ cụ thể

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kè 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất áp dụng theo Thông báo của Agribank trong từng thời kỳ và cố định trên từng Giấy nhận nợ. Áp dụng lãi suất cho vay Nội tệ VNĐ tại thời điểm thẩm định là 8,5%/năm
 - Mục đích: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động thi công, xây dựng và phát hành các Bảo lãnh, mở L/C
- + Hợp đồng tín dụng 1506-LAV-202001061 ngày 17/11/2020
- Hạn mức cấp tín dụng: 205.000.000.000 VNĐ
 - Thời hạn: Theo từng Giấy nhận nợ cụ thể
 - Lãi suất cho vay trong hạn: Áp dụng theo Thông báo của Agribank trong từng thời kỳ và cố định trên từng Giấy nhận nợ
 - Mục đích: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020-2021
- + Hợp đồng tín dụng 1506-LAV-202001060 ngày 17/11/2020
- Hạn mức cấp tín dụng: 245.000.000.000 VNĐ
 - Thời hạn: Theo từng Giấy nhận nợ cụ thể
 - Lãi suất cho vay trong hạn: Áp dụng theo Thông báo của Agribank trong từng thời kỳ và cố định trên từng Giấy nhận nợ
 - Mục đích: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động thi công xây dựng Dự án Cảng Cà Ná - Ninh Thuận
 - Tài sản đảm bảo như sau cho các hợp đồng tín dụng trên là:
 - Áp dụng bảo đảm tiền vay: Cấp tín dụng một phần có bảo đảm bằng tài sản. Tỷ lệ cấp tín dụng có bảo đảm bằng tài sản tối thiểu 50%/Mức cấp tín dụng.
 - Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đợt phát hành ngày 24/09/2019. Mã trái phiếu AGRIBANK192601, Mã trái chủ 150600109 do công ty cổ phần chứng khoán Agribank chứng nhận cho công ty Cổ Phần Nền Móng Đua Fat, đã thực hiện cầm cố tài sản theo Hợp đồng cầm cố số 01/HĐCC/TRAIPIHIEU2019/DUAFAT-TH giữa Bên cầm cố là Công ty Cổ phần Nền Móng Đua Fat và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh Tây Hồ ký ngày 18/11/2019. Giá trị Tài sản : 10.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ : Mười tỷ đồng)
 - Công cụ dụng cụ theo bảng kê số 001 ngày 02/10/2020, Hóa đơn VAT 0000032 của hợp đồng số 0104LD-Đua Fat ký ngày 01/04/2019 và bảng kê số 001 ngày 08/10/2020, Hóa Đơn VAT số 0000035 của hợp đồng số 02.3/HĐMB/LĐ-ĐF ký ngày 28/04/2019 đã thực hiện thế chấp tài sản theo Hợp Đồng thế chấp số 01/2020/HĐTC/CCDC/ĐF-TH ký ngày 09/11/2020 và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Giá trị tài sản : 78.918.741.202 VNĐ.
 - Hợp đồng cầm cố tài sản số 01/HĐCC/STK2020/DTN-DF-TH ngày 9/12/2020 là sổ tiết kiệm 25.000.000.000 VNĐ có kỳ hạn 12 tháng của Bà Đặng Thị Nhân.
 - Hợp đồng thế chấp số 0122019/HĐTC/TH-ĐF-IDHD0700: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ hợp đồng số 10/2019/IDHD/HĐTC/IDJ-ĐF ngày 05/07/2019 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam và Công ty Cổ phần Nền móng Đua Fat trị giá 7.567.912.749 VND.
 - Hợp đồng thế chấp số 0122019/HĐTC/TH-DF-XMLS: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ hợp đồng số XMLS-DC3/2019/CKN-ĐF-0509 ngày 05/09/2019 giữa Công ty TNHH Long Sơn và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat trị giá: 79.710.189.000 VNĐ.
 - Hợp đồng thế chấp số 012019/HĐTC/TH-ĐF-ECOBAVH ngày 01/10/2019: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ hợp đồng số CT1-VH/1.0059/ECOA-DUAFAT/03.09.2019 kí ngày 03/09/2019 giữa Công ty Cổ phần ECOBA Việt Nam và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat trị giá 17.599.584.537 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng thế chấp số 012019/HĐTC/TH-ĐF-TECCO ngày 24/10/2019: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ hợp đồng số 1016/2019/HĐTCXD/TECCO-ĐF ngày 16/10/2019 giữa Công ty Cổ phần Tecco Hà Nội và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat giá trị 83.000.287.000 VND.
- Hợp đồng thế chấp số 012019/HĐTC/TH-ĐF-XT ngày 11/11/2019: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ hợp đồng số 23/2019/HĐXD/DDF-XT giữa Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Xuân Thủy và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat giá trị 28.213.086.000 VND.
- Hợp đồng thế chấp số 012019/HĐTC/TH-ĐF-APTNC10-01: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ hợp đồng số 08/2019/APTN/HĐTC/API-DUAFAT ngày 17/07/2019 giữa Công ty Cổ phần Châu Á - Thái Bình Dương và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat giá trị 5.399.727.837 VND.
- Hợp đồng thế chấp số 012019/HĐTC/TH-XL ngày 31/10/2019: Thế chấp tài sản với tổng giá trị 7.290.000.000 VND, bao gồm:
 - + 02 trạm trộn bê tông năng suất 80m³/h theo Hợp đồng kinh tế số 24.04.2018/HĐKT/ĐF-CIE1 ngày 24/04/2018 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat và Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị công nghiệp CIE1.
 - + 02 cần phân phối bê tông 32M và 02 máy bơm bê tông theo Hợp đồng kinh tế số 01.06.2018/HĐTM/DDF-NA kí ngày 06/06/2018 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat và Công ty TNHH thương mại sản xuất Toàn Đạt.
- Hợp đồng thế chấp số 012019/HĐTC/TH-ĐF-BVDKQTHP: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ hợp đồng số 15/2019/HĐTC/HK-ĐF ngày 27/05/2019 và Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 18/06/2019 giữa Công ty Cổ phần Hàng Kênh - CTCP và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat trị giá 14.247.200.000 VND.
- Hợp đồng thế chấp số 012019/HĐTC/TH-ĐF-ECOBATN: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ hợp đồng số TNGHALONG/1.0055/ECOBADUAFAT/18.06.2019 ngày 18/06/2019 giữa Công ty Cổ phần ECOBA Việt Nam và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat trị giá 1.021.624.275 VND.
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2020/HĐTC/DF-TH thế chấp các tài sản sau
 - + Máy KH850-3 Hitachi giá trị 2.278.638.575 VND.
 - + Máy cầu Sungwon CK2500 giá trị 7.347.059.220 VND.
 - + Cần trục bánh xích Hitachi KH500-3 254-0296 giá trị 4.660.199.841 VND.
 - + Cầu Hitachi KH500-3 254-0216 giá trị 3.961.696.777 VND.
 - + Máy cầu bánh xích Sumitomo LS 238 giá trị 4.121.900.826 VND.
- Hợp đồng thế chấp số 012020/HĐTC/TH-ĐF-HP: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ hợp đồng số 749.02/2020/HĐXD/HP-ĐF Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat trị giá 3.303.811.539 VND.
- Hợp đồng thế chấp số 012020/HĐTC/TH-ĐF-LDGSKY ngày 5/8/2020: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ hợp đồng số 54/2020/HĐTC-BN/FBV-ĐP Công ty Cổ phần Xây dựng FBV và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat trị giá 2.347.741.000 VND.
- Hợp đồng thế chấp số 012020/HĐTC/TH-ĐUAFAT-CANANINHTHUAN ngày 17/11/2020: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ các hợp đồng:
 - + HĐTC: 3008/2020/HĐXD/TN-ĐF ngày 30/08/2020 và phụ lục hợp đồng 01 ngày 10/11/2020 giữa Công Ty Cổ Phần Cảng Quốc Tế Trung Nam Cà Ná và Công ty CP Tập Đoàn Đua Fat về Gói thầu 01A: "Thi công nạo vét, san lấp, xử lý nền giai đoạn 1A" thuộc dự án Cảng tổng hợp Cà Ná - Ninh Thuận trị giá 198.098.899.916 VND.
 - + HĐTC: 3008A/2020/HĐXD/TN-ĐF ngày 30/08/2020 giữa Công Ty Cổ Phần Cảng Quốc Tế Trung Nam Cà Ná và Công ty CP Tập Đoàn Đua Fat về Gói thầu 01B: "Thi công nạo vét, san lấp, xử lý nền giai đoạn IIB,IC" thuộc dự án Cảng tổng hợp Cà Ná - Ninh Thuận trị giá 239.901.573.779 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

+ HĐTC: 3108/2020/HĐXD/TN-ĐF ngày 31/08/2020 giữa Công ty Cổ Phần Cảng Quốc Tế Trung Nam Cà Ná và Công ty CP Tập Đoàn Đua Fat về Gói thầu 03B: "Thi công xây dựng kết cấu Bến IB" thuộc dự án Cảng tổng hợp Cà Ná - Ninh Thuận trị giá 317.243.798.155 VND.

• Hợp đồng thế chấp số 012020/HĐTC/TH-ĐF-MBCAOXANH: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng số: 2808/2020/HDXL/MBL, DF ngày 28/08/2020 giữa Công Ty Cổ Phần Tổng Công ty MBLAND và Công ty CP Tập Đoàn Đua Fat trị giá 90.988.232.000 VND.

• Hợp đồng thế chấp số 012020/HĐTC/TH-ĐF-TC ngày 4/3/2020: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ HĐTC 26/02/2020/HĐXD/CHB2/ TC-ĐF ngày 26/02/2020 và phụ lục giá trị hợp đồng đi kèm giữa Công ty TNHH Thương Mại và Xây Dựng Trung Chính và Công ty CP Tập Đoàn Đua Fat trị giá 2.621.918.400 VND.

• Hợp đồng thế chấp số 012020/HĐTC/TH-ĐF-525 ngày 1/4/2020: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai trị giá 5.090.800.000 VND.

• Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2020/HĐTC/CCDC/DF-TC ngày 9/11/2020: Công cụ dụng cụ theo bảng kê số 001 ngày 02/10/2020 của hợp đồng số 0104LD-Đua Fat ký ngày 01/04/2019 và bảng kê số 001 ngày 08/10/2020 của hợp đồng số 02.3/HĐMB/LĐ-ĐF ký ngày 28/04/2019. Giá trị Tài sản thế chấp: 78.918.741.202 VNĐ.

• Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2020/HĐTC/CCDC/DF-TH ngày 25/12/2020 Lô vật tư thiết bị dây chuyền PRD cho Tàu Khoan theo Hợp đồng mua bán số 635.2018.HPDQ-DUAFAT ký ngày 01/10/2018 giữa Công ty cổ phần nền móng Đua Fat và Công ty cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất với giá trị được xác định tại thời điểm định giá theo giá trị thị trường không bao gồm VAT là: 47.545.519.458 VNĐ. Lô vật tư CCDC thuộc Tổ hợp máy khoan cọc nhồi bằng phương pháp xoay đập khí nén - PRD (Số 1) với giá trị được xác định tại thời điểm định giá theo giá trị thị trường không bao gồm VAT là: 6.465.834.716 VNĐ. Lô vật tư CCDC thuộc Tổ hợp máy khoan cọc nhồi bằng phương pháp xoay đập khí nén - PRD (Số 2) với giá trị được xác định tại thời điểm định giá theo giá trị thị trường không bao gồm VAT là: 14.656.290.506 VNĐ

• Hợp đồng thế chấp số 012020/HĐTC/TH-ĐF-CT ngày 5/11/2020: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai trị giá 12.214.830.000 VND.

• Hợp đồng thế chấp số 012020/HĐTC/TH-ĐF-CUALUC ngày 21/12/2020: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai trị giá 17.640.000.000 VND.

• Hợp đồng thế chấp số 012020/HĐTC/TH-ĐF-DGTANLINH ngày 24/12/2020: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai trị giá 9.886.243.788 VND.

• Hợp đồng thế chấp số 012020/HĐTC/TH-ĐF-GAMUDA ngày 24/12/2020: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai trị giá 27.110.715.411 VND.

• Hợp đồng thế chấp số 012020/HĐTC/TH-ĐF-HANDONG ngày 11/08/2020: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai trị giá 12.028.467.423 VND.

• Hợp đồng thế chấp số 012020/HĐTC/TH-ĐF-LOTE ngày 23/03/2020: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai trị giá 104.161.577.556 VND.

• Hợp đồng thế chấp số 012020/HĐTC/TH-ĐF-XMXT: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai trị giá 33.950.975.000 VND.

(2) Là các khoản vay của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội Theo các hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 108.0112/2020/HĐTD-PN/PGBankHN ngày 20/01/2020

- Số tiền vay: 100.000.000.000 VND

- Thời hạn: 9 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày PG Bank giải ngân vốn vay lần đầu

- Lãi suất: Quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể theo thỏa thuận của 2 bên trên cơ sở LSCV được PG Bank ban hành từng thời kỳ và được điều chỉnh theo Thông báo của PG Bank trong suốt thời gian vay.

- Mục đích: Nêu chi tiết trong từng Khế ước nhận nợ/ Hợp đồng cấp tín dụng/ Hợp đồng cấp Bảo lãnh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kè 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Tài sản đảm bảo gồm các tài sản sau:
 - Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 12/2019/CKN-ĐF ngày 12/12/2019 giữa Công ty Cổ phần Nền móng Đua Fat (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat) và Công ty Cổ phần Xi măng Thành Thắng về việc Thi công toàn bộ cọc khoan nhồi thuộc Dự án dây chuyền 4 - Nhà máy xi măng Thành Thắng, giá trị Hợp đồng: 198.602.408.799 đồng.
 - Hàng hóa hình thành trong tương lai phát sinh từ 2 hợp đồng số 84/230917/DF-SW ngày 25/09/2017 ký với Sunward Intelligence (H.K) Limited và số UDBQ20171103G ngày 03/10/2017 ký với Unidrill Technologies Co., Ltd. Trị giá 53.120.000.000 VND.
 - Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 62, tờ bản đồ 02 (khu đô thị), địa chỉ tại ô số 15, liên kè 10, khu đô thị Xa La, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 628607 do Sở Tài nguyên môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 28/07/2018. Trị giá: 10.005.240.000 VND.
 - Quyền tài sản phát sinh từ 19 căn hộ cao cấp thuộc Khu căn hộ Tecco Skyville Tower thuộc xã Ngũ Hiệp và Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Trị giá 22.310.050.000 VND.
 - Căn hộ chung cư số 704, nhà chung cư CT8A, khu đô thị Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội. Trị giá: 1.270.550.000 VND
 - Căn hộ chung cư số 708, nhà chung cư CT8A, khu đô thị Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD993095 và sổ vào sổ CH-00898 cấp ngày 13/10/2011. Trị giá: 1.666.800.000 VND.
 - 01 máy cần trục bánh xích Hitachi màu đỏ, biển kiểm soát 29XA-1438, số khung: 2540288, số động cơ: 6RB1501526, đăng kiểm xe số 05465/XMCD do Sở Giao thông vận tải Hà Nội cấp ngày 24/09/2018. Trị giá: 6.000.000.000 VND.
 - 01 máy cần trục bánh xích Hitachi màu vàng, biển kiểm soát 29XA-1490, số khung: 2540296, số động cơ: 6RB15018342, đăng kiểm xe số 05466/XMCD do Sở Giao thông vận tải Hà Nội cấp ngày 24/09/2018. Trị giá: 6.000.000.000 VND.
 - 01 máy cần trục bánh xích Kolbeco CKE 2500-2, số khung JD0402441, số động cơ: P11CUN11771. Trị giá: 14.736.400.000 VND.
 - 01 máy cần trục bánh xích SumitomoLS238RH, số động cơ: 6D22146120, số khung: LS2380060. Trị giá: 5.300.000.000 VND.
 - 01 máy cẩu Hitachi KH500-3, số động cơ: 6RBI-504040, số khung: 254-0216. Trị giá: 5.400.000.000 VND.
 - 01 máy khoan cọc nhồi Sany RSI50C và 01 máy cán cầu trục bánh xích Hitachi KH850-3. Trị giá: 14.170.000.000 VND
 - 02 tổ hợp máy khoan cọc nhồi bằng phương pháp xoay đập nền - PRD. Trị giá: 27.841.135.636 VND.
 - 09 máy khoan cọc nhồi. Trị giá: 176.361.560.150 VND.
 - Toàn bộ lô máy móc thiết bị phụ trợ hình thành từ vốn vay mua từ Công ty Hòa Phát theo Hợp đồng mua bán số 635.2018.HPDQ-DUAFAT. Trị giá 101.796.670.008 VND.
 - Tài sản đảm bảo hình thành từ vốn vay là máy cẩu thủy lực bánh xích hiệu Hitachi, model KH250D và 01 máy cẩu thủy lực bánh xích Hitachi model CX550. Trị giá: 8.994.000.000 VND
 - Máy khoan cọc nhồi thủy lực ED550 hiệu Nippon Sharyo. Trị giá: 6.864.000.000 VND.
 - Máy cẩu thủy lực hiệu Nissha DH500-5. Trị giá: 3.000.000.000 VND
 - Phao búa đóng cọc. Trị giá: 18.350.348.785 VND.
 - 01 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có địa chỉ tại lô số TT19 - Ô số 42 - Khu đô thị mới Văn Phú, phường Phúc La, quận Hà Đông, Hà Nội theo Giấy chứng nhận số BY 045513 thuộc quyền sở hữu của ông Lê Duy Hưng và bà Trần Thị Hồng Nhung. Trị giá: 5.087.750.000 VND.
 - 01 (Một) sàn tự nâng Jack Up Barge, xuất xứ Hàn Quốc, hoàn cải năm 2011 theo Hợp đồng mua bán số 01-HĐMB/ĐF-TA ký ngày 02/05/2019 giữa Công ty cổ phần nền móng Đua Fat và

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty cổ phần Dịch vụ và Kỹ thuật Xây dựng Thành An; Hóa đơn giá trị gia tăng số 000394 ngày 05/06/2019 của Công ty cổ phần Dịch vụ và Kỹ thuật Xây dựng Thành An. Trị giá 43.890.000.000 VND.

• Tổng giá trị tài sản bảo đảm (bằng số): 732.037.776.558. Các tài sản đảm bảo hiện đang được đảm bảo tại PGBank (không bao gồm các các quyền phải thu/đòi nợ) cũng sẽ được dùng đảm bảo đồng thời cho khoản vay lần này.

(3) Là các khoản vay của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Thăng Long Theo các hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 0225/2018/HĐTD-OCB-DN ngày 05/07/2018 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0225.02/2020/SĐBS-HĐTD-OCB-DN ngày 18/05/2020

- Hạn mức: 129.269.000.000 VNĐ

- Thời gian: 12 tháng

- Lãi suất: Được điều chỉnh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cụ thể. OCB được quyền ấn định lãi suất đối với các khoản cấp tín dụng tại Hợp đồng cấp tín dụng cụ thể cho các kỳ điều chỉnh lãi suất khi xảy ra sự kiện biến động thị trường.

- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động thực hiện thi công công trình theo Hợp đồng thi công xây dựng số 308.05/2018/HĐXD/HP-DDF ngày 06/06/2018 ký giữa Công ty Cổ phần Nền móng Đua Fat (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat) và Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất về việc thi công hạng mục: Thi công bến cảng 10 + 11 thuộc Dự án Cảng chuyên dùng. Dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát - Dung Quất - Giai đoạn 1.

- Tài sản đảm bảo: Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng số 308/05/2018/HĐXD/HP- ĐF ngày 6/6/2018 ký giữa Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất và Công ty về việc thi công hạng mục: "Thi công bến cảng 10+11 thuộc Dự án Cảng chuyên dùng, Dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát- Dung Quất- Giai đoạn 1". Giá trị tài sản đảm bảo: 600.000.000.000 VND.

- Trường hợp Bên được cấp tín dụng được OCB cấp tín dụng không có tài sản bảo đảm (một phần hoặc toàn bộ khoản cấp tín dụng), Bên được cấp tín dụng cam kết và đảm bảo với OCB các nội dung sau: Đồng ý vô điều kiện và không hủy ngang cho OCB được toàn quyền xử lý (hoặc chỉ định bên thứ ba xử lý) bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu của Bên được cấp tín dụng trong trường hợp OCB thu hồi nợ vay (bao gồm cả thu hồi nợ trước hạn).

(4) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 96/2020/HDHM-PN/SHB.110600

- Hạn mức: 600.000.000.000 đồng

- Thời hạn: 12 tháng kể từ ngày giải ngân

- Lãi suất: Cụ thể theo từng kế ước vay nợ

- Mục đích: Sử dụng vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, L/C phục vụ các hoạt động thi công xây dựng

- Tài sản đảm bảo: Quyền đòi nợ hình thành trong lương lai/ đã hình thành của các đối tác lớn theo như thỏa thuận tại Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 96/2020/HDHM-PN/SHB.110600.

(5) Là các khoản vay của Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Sơn Tây theo các hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng cấp tín dụng Hạn mức số: 113/2020/HDBD/STY/02 ngày 19/05/2020

- Hạn mức: 150.000.000.000 đồng

- Thời hạn: 12 tháng kể từ ngày ký HĐTD

- Tài sản đảm bảo: Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 15/2019/HDBD/STY/01 ngày 26/03/2019, thế chấp toàn bộ quyền đòi nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại phát sinh từ hợp đồng, dự án, các khoản phải thu, các quyền lợi khác phát sinh từ Hợp đồng số

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

540.02/2019/HDXD/HP-ĐF ngày 15/03/2019 trị giá 64.008.602.761 VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	275.225.103.186	613.641.940.158	-	122.550.944	(351.797.098.830)	537.192.495.458
Vay dài hạn đến hạn trả	76.922.693.759	-	59.843.486.862	-	(76.922.693.759)	59.843.486.862
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	8.734.000.000	-	18.913.540.008	-	(8.734.000.000)	18.913.540.008
Cộng	360.881.796.945	613.641.940.158	78.757.026.870	122.550.944	(437.453.792.589)	615.949.522.328

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng	102.593.225.830	102.593.225.830	172.950.398.063	172.950.398.063
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Tây Hồ</i>	-	-	1.138.953.380	1.138.953.380
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng</i>	-	-	6.060.168.704	6.060.168.704
<i>Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội (1)</i>	81.475.076.250	81.475.076.250	131.177.007.930	131.177.007.930
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thăng Long (2)</i>	346.125.000	346.125.000	665.625.000	665.625.000
<i>Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Láng Hạ (3)</i>	13.448.750.017	13.448.750.017	15.605.916.677	15.605.916.677
<i>Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội (4)</i>	7.323.274.563	7.323.274.563	18.302.726.372	18.302.726.372
Vay dài hạn các tổ chức khác	12.280.000.000	12.280.000.000	12.280.000.000	12.280.000.000
<i>Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân đội (5)</i>	12.280.000.000	12.280.000.000	12.280.000.000	12.280.000.000
Nợ thuê tài chính	53.290.398.320	53.290.398.320	22.764.999.999	22.764.999.999
<i>Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (6)</i>	28.732.958.320	28.732.958.320	2.624.999.999	2.624.999.999
<i>Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (7)</i>	24.557.440.000	24.557.440.000	20.140.000.000	20.140.000.000
Cộng	168.163.624.150	168.163.624.150	207.995.398.062	207.995.398.062

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

(1) Là các khoản vay của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội Theo các hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 108.1068/2017/HĐTD-DN/PGBankHN ngày 30/06/2017 ký giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội

- Số tiền vay: 12.831.936.810 VND

- Thời gian: 120 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày rút vốn vay lần đầu

- Lãi suất: 9,5%/năm

- Mục đích: Tái tài trợ khoản đầu tư Phao búa đóng cọc theo Hợp đồng mua bán số 2011/DUAFATSJJIN/2016 ký ngày 02/01/2016 giữa tập đoàn SJJIN, Hợp đồng kinh tế số 292HĐKT/QVDF/2016 ngày 29/02/2016 (Hóa đơn GTGT số 0000043 ngày 29/06/2016, số 0000055 ngày 24/10/2016) giữa Công ty CP TMXD và Xuất nhập khẩu Quốc Việt, Hợp đồng kinh tế số 0357/16/HĐKT/HMCDDF ngày 11/11/2016 (Hóa đơn GTGT số 0000011 ngày 21/12/2016) giữa Công ty TNHH Dịch vụ kỹ thuật Hoàng Minh và Công ty.

- Tài sản đảm bảo: Quyền sở hữu và quyền thụ hưởng bảo hiểm toàn bộ của 01 phao búa đóng cọc (Bao gồm Xà lan và các thiết bị trên Boong) hình thành từ vốn vay, thuộc quyền sở hữu của Bên vay có đặc điểm cụ thể như sau:

- Tên phương tiện: Phao búa đóng cọc/TKT762

- Công dụng: Tàu đóng cọc bê tông

- Số đăng kiểm: V3301181

- Tổng giá trị tài sản đảm bảo nêu trên: 18.331.338.300 VND

+ Hợp đồng tín dụng số 108.1494/2016/HĐTDNT-DN/PGBankHN ngày 31/03/2016

- Số tiền vay: 21.843.600.000 VND

- Thời hạn: 60 tháng, kể từ ngày rút vốn đầu tiên

- Lãi suất: 9,5% năm đầu tiên, các năm sau thay đổi 3 tháng/lần theo hạng khách hàng

- Mục đích: Tài tài trợ khoản đầu tư 02 hệ thống Máy khoan cọc nhồi PRD theo các Giấy vay tiền ngày 01/11/2015 giữa Bên vay với Ông Phan Bá Sơn, Ông Trần Văn Hùng và Bà Nguyễn Thị Thùy Linh.

- Bảo đảm tiền vay: Thẻ chấp 02 tổ hợp máy khoan cọc nhồi bằng phương pháp xoay đập khi nén PRD. Tổng giá trị tài sản bảo đảm nêu trên: 36.406.000.000 VND.

+ Hợp đồng tín dụng số 108.0172/2016/HĐTD-PN/PGBankHN ngày 25/01/2019

- Số tiền vay: 70.000.000.000 VND

- Thời hạn: 36 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày PG Bank giải ngân vốn vay lần đầu

- Lãi suất: Quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể theo thỏa thuận của 2 bên trên cơ sở LSCV được PG Bank ban hành từng thời kỳ và được điều chỉnh theo Thông báo của PG Bank trong suốt thời gian vay.

- Mục đích: Thanh toán tiền mua máy móc thiết bị phụ trợ theo Hợp đồng mua bán số 635.2018.HDDQ-Duafat ngày 01/10/2018 giữa Công ty Cổ phần Nền móng Đua Fat (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat) và Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất

- Bảo đảm tiền vay: Quyền tài sản phát sinh từ 19 căn hộ chung cư, giá trị: 22.310.050.000 đồng

- 01 máy cần cẩu trục bánh xích Kobelco, giá trị: 14.736.400.000 đồng

- Toàn bộ lô máy móc thiết bị phụ trợ, giá trị: 101.796.670.008 đồng"

+ Hợp đồng tín dụng số 108.1333/2019/HĐTD-PN/PGBankHN ngày 07/09/2019

- Số tiền vay: 8.382.000.000 đồng

- Thời hạn: 72 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày PG Bank giải ngân vốn vay lần đầu

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kè 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Lãi suất: Quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể theo thỏa thuận của 2 bên trên cơ sở LSCV được PG Bank ban hành từng thời kỳ và được điều chỉnh theo Thông báo của PG Bank trong suốt thời gian vay.

- Mục đích: Tái tài trợ chi phí đầu tư, xây dựng văn phòng tại địa chỉ LK10-TV30, Khu nhà ở Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội và hoặc được quy định cụ thể trong từng Khế ước nhận nợ.

- Bảo đảm tiền vay: Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 2 có địa chỉ tại LK10-TV30, khu nhà ở Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 448482, số vào sổ cấp GCN: CT-DA01443 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 17/07/2018 thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Nền móng Đua Fat (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat); Giá trị tài sản đảm bảo: 9.862.300.000 đồng

+ Hợp đồng tín dụng số 108.1834/2019/HĐTD-PN/PGBankHN tháng 12/2019

- Số tiền vay: 29.850.000.000 đồng

- Thời hạn: 60 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày PG Bank giải ngân vốn vay lần đầu

- Lãi suất: Quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể theo thỏa thuận của 2 bên trên cơ sở LSCV được PG Bank ban hành từng thời kỳ và được điều chỉnh theo Thông báo của PG Bank trong suốt thời gian vay.

- Mục đích: Thanh toán tiền mua 01 sàn tự nâng Jack Up Barge theo Hợp đồng mua bán số 01-HĐMB/ĐF-TA ngày 02/05/2019 giữa Công ty Cổ phần Nền móng Đua Fat (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat) và Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kỹ thuật Xây dựng Thành An.

Bảo đảm tiền vay: 01 sàn tự nâng Jack Up Barge theo Hợp đồng mua bán số 01-HĐMB/ĐF-TA ngày 02/05/2019 giữa Công ty Cổ phần Nền móng Đua Fat (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat) và Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kỹ thuật Xây dựng Thành An; Giá trị tài sản đảm bảo: 43.890.000.000 đồng.

- Tài sản đảm bảo: 01 Sàn nâng tự động Jack Up Barge, xuất xứ Hàn Quốc, hoán cải năm 2011 theo Hợp đồng mua bán số 01-HĐMB/ĐF-TA ngày 02/05/2019 giữa Công ty Cổ phần Nền móng Đua Fat và Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kỹ thuật Xây dựng Thành An. Tổng giá trị: 43.890.000.000 VND.

+ Hợp đồng tín dụng số 108.2511/2016/HĐTD-DN/PGBankHN ngày 17/11/2016 ký giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội

- Số tiền vay: 123.000.000.000 VND

- Thời gian: 96 tháng

- Lãi suất: 9%/năm

- Mục đích: Đầu tư mua 09 máy khoan cọc nhồi nâng cao năng lực thi công phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tài sản đảm bảo: Hợp đồng mua bán kiêm thỏa thuận mua cổ phần số 01/ĐFHT, 02/ĐFHT, 03/ĐFHT, 04/ĐFHT giữa Công ty và Công ty Cổ phần xây dựng Hitechcons Việt Nam ký ngày 20/09/2016

- Hợp đồng mua bán kiêm thỏa thuận mua cổ phần số 01/ĐFHT giữa Công ty và Công ty Cổ phần Vận tải Đăng Kiên ký ngày 20/09/2016

- Hợp đồng mua bán kiêm thỏa thuận mua cổ phần số 01/ĐFHT, 02/ĐFHT, 03/ĐFHT, 04/ĐFHT giữa Công ty và Công ty TNHH Một thành viên Lê Đông ký ngày 15/09/2016

- Tài sản hình thành từ vốn vay, 09 máy khoan cọc nhồi đã qua sử dụng trị giá 197.450.000.000 VND.

+ Hợp đồng tín dụng số 108/1769/2016/HĐTD-DN/PGBankHN ngày 26/07/2016 ký giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Số tiền vay: 8.700.000.000 VND
- Thời gian: 60 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên.
- Lãi suất: 9%/năm trong vòng 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân.
- Mục đích: Tái tài trợ khoản đầu tư Máy khoan cọc nhồi Sany SR150C và máy cẩu Hitachi KH580 - 3
- Tài sản đảm bảo: Thẻ chấp 01 máy khoan cọc nhồi Sany RS150C và máy cẩu cần trục bánh xích Hitachi KH 580-3
- Giá trị quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất gắn liền với thửa đất tại tờ bản đồ có địa chỉ ở Điểm CNTT CN xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 395859, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất T00455 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 27/07/2007.

(2) Theo hợp đồng tín dụng số LD1701700054 ngày 17/01/2017 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thăng Long.

- Số tiền vay: 1.917.000.000 VND,
- Mục đích: Mua ô tô
- Thời gian: 72 tháng tính từ ngày nhận tiền đầu tiên
- Lãi suất: Lãi suất 3 tháng đầu là 9,5%/năm kể từ ngày giải ngân. Kể từ tháng thứ 4: lãi suất áp dụng theo mức lãi suất huy động tiền gửi VND kỳ hạn 13 tháng cộng biên độ theo quy định vay.
- Tài sản đảm bảo: Tài sản đảm bảo là xe ô tô nhãn hiệu FORD EXPLORER biển kiểm soát: 30E-903.67.

(3) Là các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Láng Hạ theo các hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 1636500054/HĐTD ngày 30/12/2016 ký giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Láng Hạ

- Số tiền vay: 8.000.000.000 VND
- Mục đích vay: Thanh toán bù đắp một phần tiền mua 01 xe ô tô con, nhãn hiệu LAND ROVER, số loại SV Autobiography, biển kiểm soát 30E-699.68
- Thời gian: 60 tháng
- Lãi suất: Lãi suất cụ thể trong từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo: Xe ô tô con, nhãn hiệu LAND ROVER, số loại SV Autobiography, biển kiểm soát 30E-699.68

+ Hợp đồng tín dụng từng lần số 1834800008/HĐTDTL ngày 11/12/2018

- Số tiền vay: 1.470.000.000 VND
- Mục đích vay: Bổ sung vốn thanh toán tiền mua 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA LAND CRUISER PRADO TX-L đã qua sử dụng, sản xuất năm 2016 theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 2410/2018/HĐMBXOTO ngày 24/10/2018 giữa Công ty Cổ phần nền móng Đua Fat với Ông Ngô Mạnh Hà và Bà Nguyễn Minh Huệ
- Thời gian: 60 tháng
- Lãi suất: Quy định tại từng Khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo: 01 xe ô tô con, 7 chỗ ngồi nhãn hiệu: TOYOTA, số loại: LANCRUISER PRADO TX-L, màu Đen, đã qua sử dụng biển kiểm soát 30F-420.89, số khung 3FJ805100285, số máy 18110102TR theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 2410/2018/HĐMBXOTO ngày 24/10/2018 giữa Công ty với Ông Ngô Mạnh Hà và Bà Nguyễn Minh Huệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- + Hợp đồng tín dụng từng lần số: 1834700400/HĐTC ngày 14/12/2018
- Số tiền vay: 5.100.000.000 VND
- Thời hạn: 60 tháng kể từ ngày 17/12/2018 đến ngày 17/12/2023
- Lãi suất: 8.49%/ năm trong 12 tháng đầu. Lãi suất cho vay từ tháng 13 trở đi bằng Lãi suất VND kỳ hạn 14 tháng của sản phẩm tiết kiệm lĩnh lãi cuối kỳ đối với khách hàng cá nhân + biên độ lãi suất 3.5% năm.
- Mục đích: Thanh toán một phần tiền mua 01 xe Mercedes - Benz, model G63 AMG đã qua sử dụng theo Hợp đồng mua bán số 0111/2018 HĐMBOTO ngày 01/11/2018 cho Công ty TNHH Xuất nhập khẩu & Dịch vụ Minh Đạt
- Tài sản đảm bảo: Xe Mercedes-Benz, số loại G63 màu đen, biển kiểm soát 30F - 473.12 có giá trị đảm bảo là : 7.300.000.000 đồng

- + Hợp đồng tín dụng từng lần số 1921200099/HĐTDTL ngày 31/07/2019
- Số tiền: 15.290.000.000 VND
- Mục đích vay: Thanh toán bù đắp vay vốn đầu tư tài sản cố định là 01 bất động sản tại thửa đất số 157, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: BT1-A36 Khu đô thị mới Văn Quán - Yên Phúc, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CQ 268977, sổ vào sổ cấp GCN: CT-DA 0074 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 24/01/2019 cho Công ty Cổ phần Nền móng Đua Fat) theo Hợp đồng vay vốn số 0901/HĐVV ngày 09/01/2019 giữa ông Lê Văn Thịnh và Công ty Cổ phần Nền móng Đua Fat.
- Thời gian: 120 tháng
- Lãi suất: Được quy định tại từng khế ước nhận nợ cụ thể và theo biểu lãi suất cho vay với từng phân khúc khách hàng tại thời điểm giải ngân
- Tài sản đảm bảo: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CQ 268977, sổ vào sổ cấp GCN: CT-DA 0074 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 24/01/2019 cho Công ty Cổ phần Nền móng Đua Fat. Giá trị: 19.119.382.000 VND.

(4) Là các khoản vay của Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng tín dụng sau:

- + Hợp đồng cho vay số 16_08.16/HĐTD/STY ngày 10/08/2016
- Số tiền vay: 506.250.000 VND
- Mục đích: Mua 01 xe ô tô Ford Ranger
- Thời gian: 60 tháng kể từ ngày giải ngân
- Lãi suất: Lãi suất được quy định tại từng văn bản nhận nợ
- Tài sản đảm bảo: 01 xe Ford Ranger, biển kiểm soát 29C-733.74, giá trị tài sản đảm bảo: 675.000.000 VND.

- + Hợp đồng cho vay số 195/2017/HĐTD/STY/01 ngày 29/05/2017
- Số tiền vay: 15.000.000.000 VND
- Mục đích: Thanh toán tiền mua 01 khoan hiệu Bauer BG42
- Thời gian: 60 tháng từ 31/05/2017 đến 30/05/2022
- Lãi suất: Lãi suất được quy định tại từng văn bản nhận nợ
- Tài sản đảm bảo: 01 máy khoan cọc nhồi nhãn hiệu Bauer BG42, xuất xứ: Đức, giá trị tài sản đảm bảo: 22.423.000.000 VND

- + Hợp đồng cho vay số 223/2017/HĐTD/STY/01 ngày 20/06/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Số tiền vay: 1.264.000.000 VND
 - Mục đích: Thanh toán tiền mua 02 xe ô tô
 - Thời gian: 60 tháng từ 21/06/2017 đến 20/06/2022
 - Lãi suất: Lãi suất được quy định tại từng văn bản nhận nợ
 - Tài sản đảm bảo: 01 xe FORDRANGERXLT, biển kiểm soát 29C-767.83 và 01 xe FORDRANGERWILDTRAK, biển kiểm soát 29C-767.62
- + Hợp đồng cho vay số 180/2017/GNN/STY/01 ngày 20/05/2017
- Số tiền vay: 40.000.000.000 VND
 - Mục đích vay: Thanh toán tiền nhập khẩu 06 máy khoan hiệu Sunward SWDM25 theo hợp đồng ngoại số 84DF-1604HKS ngày 13/09/2016 ký giữa Công ty và Sunward Intelligent, Ltd
 - Thời gian: 60 tháng từ 01/07/2017 đến 30/06/2022
 - Lãi suất: Lãi suất được quy định tại từng văn bản nhận nợ
 - Tài sản đảm bảo: 06 máy khoan cọc nhồi nhãn hiệu SUNWARD SWDM25, tổng giá trị tài sản đảm bảo: 72.360.000.000 VND
- + Hợp đồng cho vay số 359/2017/HDTD/STY/01 ngày 22/09/2017
- Số tiền vay: 919.000.000 VND
 - Mục đích vay: Thanh toán tiền mua ô tô phục vụ đi lại của Công ty
 - Thời gian: 60 tháng từ ngày 23/09/2017 đến 22/09/2022
 - Lãi suất: Lãi suất được quy định tại từng văn bản nhận nợ
 - Tài sản đảm bảo: 01 xe Toyota Fortuner, biển kiểm soát 30E-877.60, giá trị tài sản đảm bảo: 1.149.000.000 VND
- + Hợp đồng cho vay số 01/2016/HDTD/STY/01 ngày 26/08/2016
- Số tiền vay: 3.990.000.000 VND
 - Mục đích vay: Thanh toán tiền mua 08 xe ô tô hiệu Ford Ranger XLS AT 2.2 4x2
 - Thời gian: 60 tháng kể từ ngày giải ngân
 - Lãi suất: Lãi suất được quy định tại từng văn bản nhận nợ
 - Tài sản đảm bảo: 02 xe Ford, biển kiểm soát 29C-744.17 và 29C-743.89, tổng giá trị tài sản đảm bảo: 1.350.000.000 VND
- + Hợp đồng cho vay số 265/2018/HDTD/STY/01 ngày 25/6/2018
- Số tiền vay: 1.481.900.000 VND
 - Mục đích vay: Mua xe oto theo Hợp đồng mua bán số 19042018/HĐMB kí ngày 19/4/2018 giữa Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Hưng Phát và Công ty.
 - Thời gian: 36 tháng từ ngày 27/06/2018 đến ngày 16/06/2021
 - Lãi suất: Theo từng khế ước nhận nợ
 - Tài sản đảm bảo: Theo hợp đồng đảm bảo số 265/2018/HDBD/STY/01 ngày 25/6/2018
- + Hợp đồng cho vay số 409/2020/HDTD/STY/01 ngày 8/1/2021
- Số tiền vay: 1.936.050.000 VND
 - Mục đích: Thanh toán tiền mua 02 xe Vinfast Lux SA 2.0
 - Thời gian: 60 tháng từ 5/1/2021 đến 4/1/2021
 - Lãi suất: Lãi suất được quy định tại từng văn bản nhận nợ
 - Tài sản đảm bảo: hai xe Vinfast Lux SA 2.0, giá trị tài sản đảm bảo: 2.581.400.000 VND



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

(5) Hợp đồng vay vốn số 0203/HĐVV ngày 02/03/2017 của Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân đội, thời hạn cho vay: không thời hạn, lãi suất: 0% để phục vụ sản xuất kinh doanh theo ngành nghề đăng ký của Công ty

(6) Là các khoản thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo các hợp đồng thuê tài chính sau:

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.075/2016/TSC-CTTC ngày 14/12/2016

- Tài sản thuê: 01 máy khoan cọc nhồi nhãn hiệu BAUER BG30, xuất xứ: Đức, sản xuất năm: 1989

- Giá trị tài sản cho thuê (tạm tính) là: 8.000.000.000 đồng. Giá đã bao gồm thuế VAT 10%

- Thời hạn cho thuê 48 tháng

- Lãi suất cho thuê: 9%/năm áp dụng trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

- Tài sản đảm bảo: Công ty cam kết chuyển cho Công ty cho thuê tài chính một khoản tiền ký cược là 200.000.000 VND và không được hưởng lãi trên số tiền này

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.095/2019/TSC-CTTC ngày 31/12/2019

- Tài sản thuê: 01 máy khoan cọc nhồi đã qua sử dụng, hiệu BAUER, mã kiểu loại BG42, nước sản xuất: Đức, năm sản xuất: 2012, số khung BS11561004, số động cơ BDN01191.

- Giá trị tài sản cho thuê (tạm tính) là: 28.746.666.666 VND.

- Thời gian cho thuê 60 tháng kể từ thời điểm nhận nợ, trừ khi hợp đồng bị chấm dứt trước hạn theo quy định của hợp đồng.

- Lãi suất cho thuê: 9%/năm trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Kể từ ngày lãi suất trên kết thúc, lãi suất được xác định như sau: Lãi suất cho thuê tài chính bằng lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam áp dụng với Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cộng 3%/năm và định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhưng không thấp hơn lãi suất cho thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trong từng thời kỳ.

- Tài sản đảm bảo: Công ty cam kết chuyển cho Công ty cho thuê tài chính một khoản tiền ký cược là 400.000.000 VND và không được hưởng lãi trên số tiền này.

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.001/2019/TSC-CTTC ngày 11/01/2019

- Tài sản thuê: 01 cần trục bánh xích nhãn hiệu LIEBHERR HS855D, nước sản xuất: Áo, năm sản xuất: 2009, số khung: 184729, số máy: 2008140377, đã qua sử dụng.

- Giá trị tài sản cho thuê (tạm tính) là: 16.500.000.000 VND (đã bao gồm VAT).

- Thời gian cho thuê 60 tháng kể từ thời điểm nhận nợ, trừ khi hợp đồng bị chấm dứt trước hạn theo quy định của hợp đồng.

- Lãi suất cho thuê: 9,5%/năm trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Kể từ ngày lãi suất trên kết thúc, lãi suất được xác định như sau: Lãi suất cho thuê tài chính bằng lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cộng 2,5%/năm và định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần kể từ ngày đầu tiên nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay trung hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam quy định trong từng thời kỳ và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần.

- Tài sản đảm bảo: Công ty cam kết chuyển cho Công ty cho thuê tài chính một khoản tiền ký cược là 500.000.000 VND và không được hưởng lãi trên số tiền này

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số 17.20.04/CTTC ngày 7/07/2020

- Tài sản thuê: Máy khoan cọc nhồi Bauer BG46 Premium Line, Model: BG46, Nước sản xuất: Germany, Năm sản xuất: 2016, Số khung: BS11561028, Số máy: BDN01383, đã qua sử dụng

- Giá trị tài sản cho thuê (tạm tính) là: 46.586.327.592 VND (đã bao gồm VAT).

- Số tiền cho thuê: 30.280.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Số tiền trả trước: 16.306.327.592 VND
- Số tiền ký quỹ: 1.846.000.000 VND
- Thời gian cho thuê 60 tháng kể từ thời điểm nhận nợ, trừ khi hợp đồng bị chấm dứt trước hạn theo quy định của hợp đồng.
- Lãi suất cho thuê: 9,5%/năm trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Kể từ ngày lãi suất trên kết thúc, lãi suất được xác định như sau: Lãi suất cho thuê tài chính bằng lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cộng 2,5%/năm và định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần kể từ ngày đầu tiên nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay trung hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam quy định trong từng thời kỳ và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần.

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số 17.20.01/CTTC ngày 15/4/2020

- Tài sản thuê: Cần trục bánh xích 90 tấn, Model: CX900HD, Hãng sản xuất: Hitachi, Nước sản xuất: Nhật Bản, đã qua sử dụng

- Giá trị tài sản cho thuê (tạm tính) là: 9.000.000.000 VND (đã bao gồm VAT).

- Số tiền cho thuê: 5.000.000.000 VND.

- Số tiền trả trước: 4.000.000.000 VND

- Số tiền ký quỹ: 270.000.000 VND

- Thời gian cho thuê 48 tháng kể từ thời điểm nhận nợ, trừ khi hợp đồng bị chấm dứt trước hạn theo quy định của hợp đồng.

Lãi suất cho thuê: 9,5%/năm trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Kể từ ngày lãi suất trên kết thúc, lãi suất được xác định như sau: Lãi suất cho thuê tài chính bằng lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cộng 2,5%/năm và định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần kể từ ngày đầu tiên nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay trung hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam quy định trong từng thời kỳ và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần.

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số 17.20.03/CTTC ngày 15/5/2020

- Tài sản thuê: Cần trục bánh xích 100 tấn KH500-3

- Giá trị tài sản cho thuê (tạm tính) là: 8.500.000.000 VND (đã bao gồm VAT).

- Số tiền cho thuê: 4.950.000.000 VND.

- Số tiền trả trước: 3.550.000.000 VND

- Số tiền ký quỹ: 340.000.000 VND

- Thời gian cho thuê 48 tháng kể từ thời điểm nhận nợ, trừ khi hợp đồng bị chấm dứt trước hạn theo quy định của hợp đồng.

Lãi suất cho thuê: 9,5%/năm trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Kể từ ngày lãi suất trên kết thúc, lãi suất được xác định như sau: Lãi suất cho thuê tài chính bằng lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cộng 2,5%/năm và định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần kể từ ngày đầu tiên nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay trung hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam quy định trong từng thời kỳ và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần.

(7) Là các khoản thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng

+ Cho thuê tài chính số 13/18.09/CTTC ngày 23/8/2018.

- Tài sản thuê:

• 01 cần trục bánh xích 150 tấn, hiệu Sany, model SCC1500D, động cơ Cummins, 242 kW, số khung: 1110150DPTO0006, trị giá 11.000.000.000 VND

• 01 cần trục bánh xích hiệu Sumitomo, model: LS-248RH, serial: LS248-0135, động cơ Diesel, số máy: 6D22194099, trị giá 7.500.000.000 VND.

- 01 cần trục bánh xích hiệu Hitachi, model KH500-3, serial: 254-0290, động cơ Diesel, số máy 6RB1-508103, trị giá: 5.500.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Mục đích: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên B theo đúng quy định trong Giấy phép kinh doanh và phương án thuê tài chính
 - Số tiền cho thuê: 13.090.909.091 VND
 - Số tiền kí quỹ: 720.000.000 VND
 - Thời hạn cho thuê 48 tháng
 - Lãi suất cho thuê: Lãi suất tính bằng lãi suất cơ bản của Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN công bố cộng biên độ 3,3%/năm
 - Tài sản đảm bảo: Không áp dụng điều kiện đảm bảo
- + Cho thuê tài chính số 01.095/2019/TSC-CTTC ngày 31/12/2020.
- Tài sản thuê:
 - 01 máy khoan cọc nhồi đã qua sử dụng, nhãn hiệu BAUER, mã kiểu loại: BG42, nước sản xuất: GERMANY, năm sản xuất 2012, số khung BS11561004, số động cơ: BDN01191
 - Số tiền cho thuê: 28.746.666.666 VND
 - Số tiền trả trước: 13.746.666.666 VND
 - Số tiền kí quỹ: 400.000.000 VND
 - Thời hạn cho thuê 60 tháng
 - Lãi suất cho thuê: Lãi suất tính bằng lãi suất cơ bản của Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN công bố cộng biên độ 3,3%/năm
 - Tài sản đảm bảo: Không áp dụng điều kiện đảm bảo
- + Cho thuê tài chính số 01.051/2020/TSC-CTTC ngày 4/6/2020.
- Tài sản thuê:
 - 01 cần trục bánh xích, hiệu Hitachi, số khung: 25A05091, trị giá 7.300.000.000 VND
 - 01 cần trục bánh xích, hiệu Hitachi, số khung: 25A0501, trị giá 7.300.000.000 VND
 - Số tiền cho thuê: 14.600.000.000 VND
 - Số tiền trả trước: 4.600.000.000 VND
 - Số tiền kí quỹ: 260.000.000 VND
 - Thời hạn cho thuê 60 tháng
 - Lãi suất cho thuê: Lãi suất tính bằng lãi suất cơ bản của Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN công bố cộng biên độ 3,3%/năm
 - Tài sản đảm bảo: Không áp dụng điều kiện đảm bảo
- + Cho thuê tài chính số 01.063/2020/TSC-CTTC ngày 25/6/2020.
- Tài sản thuê:
 - 01 cần trục bánh xích, hiệu ZOOMLION ZCC800H, số khung: ZCC80-0160, trị giá 3.000.000.000 VND
 - 01 cần trục bánh xích, hiệu ZOOMLION ZCC800H, số khung: ZCC80-0158, trị giá 3.000.000.000 VND
 - Số tiền cho thuê: 6.000.000.000 VND
 - Số tiền trả trước: 1.200.000.000 VND
 - Số tiền kí quỹ: 150.000.000 VND
 - Thời hạn cho thuê 48 tháng
 - Lãi suất cho thuê: Lãi suất tính bằng lãi suất cơ bản của Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN công bố cộng biên độ 3,3%/năm
 - Tài sản đảm bảo: Không áp dụng điều kiện đảm bảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	172.950.398.063	21.615.728.000	(32.129.413.371)	(59.843.486.862)	102.593.225.830
Vay dài hạn các tổ chức khác	12.280.000.000	-	-	-	12.280.000.000
Nợ thuê tài chính	22.764.999.999	55.030.000.000	(5.591.061.671)	(18.913.540.008)	53.290.398.320
Cộng	<u>207.995.398.062</u>	<u>76.645.728.000</u>	<u>(37.720.475.042)</u>	<u>(78.757.026.870)</u>	<u>168.163.624.150</u>

17. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	200.000.000.000	27.243.119.439	227.243.119.439
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	200.000.000.000	-	200.000.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	20.193.634.373	20.193.634.373
Số dư cuối năm trước	<u>400.000.000.000</u>	<u>47.436.753.812</u>	<u>447.436.753.812</u>
Số dư đầu năm nay	400.000.000.000	47.436.753.812	447.436.753.812
Lợi nhuận trong năm	-	23.232.611.195	23.232.611.195
Số dư cuối năm nay	<u>400.000.000.000</u>	<u>70.669.365.007</u>	<u>470.669.365.007</u>

c) Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.000.000	40.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.000.000	40.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.000.000	40.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
a, Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	887.155.065.942	851.820.947.285
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>189.995.104.294</i>	<i>-</i>
<i>Doanh thu kinh doanh hàng hóa bất động sản</i>	<i>11.082.975.847</i>	<i>6.005.038.413</i>
<i>Doanh thu hợp đồng xây dựng</i>	<i>565.983.183.875</i>	<i>801.861.564.387</i>
<i>Doanh thu cho thuê tài sản</i>	<i>120.093.801.926</i>	<i>43.954.344.485</i>
Doanh thu thuần	<u>887.155.065.942</u>	<u>851.820.947.285</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	187.451.199.718	-
Giá vốn của hàng hóa bất động sản đã bán	11.082.975.847	6.005.038.413
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	488.943.794.579	745.376.850.020
Giá vốn cho thuê tài sản	98.045.567.073	11.254.895.370
Cộng	<u>785.523.537.217</u>	<u>762.636.783.803</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	800.810.596	10.266.248
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	7.170.413	-
Lãi đầu tư trái phiếu	810.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	18.123.155	14.230.024
Lãi bán hàng trả chậm	1.139.983.130	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	1.012.054.501
Cộng	<u>2.776.087.294</u>	<u>1.036.550.773</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	60.234.851.595	60.016.013.665
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	281.979.453	47.814.354
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	29.734.964	-
Chi phí khác	-	368.889.657
Cộng	<u>60.546.566.012</u>	<u>60.432.717.676</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	7.341.604.081	13.685.329.350
Chi phí vật liệu quản lý	550.261.349	449.128.676
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.297.478.317	4.082.789.879
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	408.278.500	2.147.126.536
Các chi phí khác	5.373.008.617	3.813.851.886
Cộng	<u>18.973.630.864</u>	<u>24.181.226.327</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	1.484.594.376	11.972.230.918
Thanh lý công cụ, dụng cụ	-	8.973.609.256
Tiền bồi thường	2.898.238.302	144.800.000
Thu nhập khác	41.501	173.946.101
Cộng	<u>4.382.874.179</u>	<u>21.264.586.275</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ	-	1.587.426.635
Lãi chậm trả	127.830.510	-
Xóa nợ	24.300.000	-
Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	47.398.318	28.069.421
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp	30.000.000	13.817.505
Chi phí khác	500	-
Cộng	<u>229.529.328</u>	<u>1.629.313.561</u>

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.040.763.994	25.242.042.966
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	<u>29.040.763.994</u>	<u>25.242.042.966</u>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>5.808.152.799</u>	<u>5.048.408.593</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	477.918.446.912	231.248.045.996
Chi phí nhân công	17.521.586.581	70.038.948.924
Chi phí khấu hao tài sản cố định	48.499.170.654	56.669.063.321
Chi phí dịch vụ mua ngoài	261.103.163.415	357.854.491.475
Chi phí khác	6.338.531.562	79.314.354.803
Cộng	<u>811.380.899.124</u>	<u>795.124.904.519</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính vì theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 yêu cầu đối với công ty mẹ là công ty cổ phần, chỉ tiêu này chỉ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất, không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Giao dịch không bằng tiền

Trong năm công ty phát sinh giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bù trừ công nợ thông qua nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản tài chính	16.306.327.592	-
Nhận nợ thuê tài chính	55.030.000.000	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Vay tiền	10.900.000.000	-
Thu tạm ứng	19.000.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan được trình bày ở thuyết minh V.15.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>
Tiền lương, thưởng	1.266.846.652
Ông Lê Duy Hưng	329.122.500
Ông Đàm Văn Lý	263.706.524
Ông Đào Văn Đạt	246.997.717
Bà Ngô Thị Dung	192.712.478
Ông Đỗ Quốc Phương	234.307.433
Cộng	<u>1.266.846.652</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Bà Nguyễn Thu Hiền	Cổ đông lớn

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bà Nguyễn Thu Hiền		
Trả tiền vay	50.500.000.000	-
Thu tiền vay	56.500.000.000	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.15.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Thông tin về bộ phận****A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh****Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:**

- Bán Hàng hóa
- Xây dựng
- Bất động sản
- Cho thuê tài sản

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực Hàng hóa	Lĩnh vực Xây dựng	Lĩnh vực Bất động sản	Lĩnh vực Cho thuê tài sản	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	189.995.104.294	565.983.183.875	11.082.975.847	120.093.801.926	887.155.065.942
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	189.995.104.294	565.983.183.875	11.082.975.847	120.093.801.926	887.155.065.942
Chi phí bộ phận	(187.451.199.718)	(488.943.794.579)	(11.082.975.847)	(98.045.567.073)	(785.523.537.217)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.543.904.576	77.039.389.296	-	22.048.234.853	101.631.528.725
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(18.973.630.864)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					82.657.897.861
Doanh thu hoạt động tài chính					2.776.087.294
Chi phí tài chính					(60.546.566.012)
Thu nhập khác					4.382.874.179
Chi phí khác					(229.529.328)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(5.808.152.799)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					23.232.611.195
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	35.429.304.994	105.541.618.650	2.066.696.050	22.394.471.437	165.432.091.131
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	14.446.622.080	43.035.557.107	842.714.154	9.131.549.873	67.456.443.214

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUÀ FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực Hàng hóa	Lĩnh vực Xây dựng	Lĩnh vực Bất động sản	Lĩnh vực Cho thuê tài sản	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	7.070.644.371	1.775.402.248.864	-	-	1.782.472.893.235
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					67.907.570.612
Tổng tài sản					1.850.380.463.847
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	1.379.711.098.840	-	-	1.379.711.098.840
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					-
Tổng nợ phải trả					1.379.711.098.840
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	15.957.727.427	1.449.527.992.450	-	32.609.109.888	1.498.094.829.765
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					32.508.364.296
Tổng tài sản					1.530.603.194.061
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	1.083.166.440.249	-	-	1.083.166.440.249
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					-
Tổng nợ phải trả					1.083.166.440.249

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của

Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	615.949.522.328	168.163.624.150	-	784.113.146.478
Phải trả người bán	394.424.062.555	105.332.765.929	-	499.756.828.484
Các khoản phải trả khác	31.505.564.451	410.000.000	-	31.915.564.451
Cộng	1.041.879.149.334	273.906.390.079	-	1.315.785.539.413
Số đầu năm				
Vay và nợ	360.881.796.945	207.995.398.062	-	568.877.195.007
Phải trả người bán	310.152.300.202	160.491.657.150	-	470.643.957.352
Các khoản phải trả khác	2.418.690.516	410.000.000	-	2.828.690.516
Cộng	673.452.787.663	368.897.055.212	-	1.042.349.842.875

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

C, Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.140.338.908	18.139.198.058	26.140.338.908	18.139.198.058
Phải thu khách hàng	691.335.678.306	402.552.256.363	691.335.678.306	402.552.256.363
Các khoản phải thu khác	30.607.753.704	55.916.904.597	30.607.753.704	55.916.904.597
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	29.700.000.000	6.270.609.987	29.700.000.000	6.270.609.987
Cộng	777.783.770.918	482.878.969.005	777.783.770.918	482.878.969.005
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	784.113.146.478	568.877.195.007	784.113.146.478	568.877.195.007
Phải trả người bán	499.756.828.484	470.643.957.352	499.756.828.484	470.643.957.352
Các khoản phải trả khác	31.915.564.451	2.828.690.516	31.915.564.451	2.828.690.516
Cộng	1.315.785.539.413	1.042.349.842.875	1.315.785.539.413	1.042.349.842.875

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kè 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

Năm 2019, Công ty thực hiện phân loại lại một số chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán. Do đó, chỉ tiêu bảng cân đối kế toán được xác định lại như sau:

	Mã số	Số liệu theo BCTC đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Số liệu Sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán				
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6.270.609.987	(550.000.000)	5.720.609.987
Đầu tư vào công ty con	251	6.270.609.987	(550.000.000)	5.720.609.987
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	113.651.439.439	550.000.000	114.201.439.439

Lập ngày 30 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu 

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Trọng Tài

Nguyễn Thị Thủy

Lê Duy Hưng